

Số: 17/2023/BC-SĐ5-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

PHẦN I
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

I. Báo cáo thực hiện các chỉ tiêu chính.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
A	TỔNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT KINH DOANH	10⁹đ	1.265,00	2.004,29	158%
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10⁹đ	1.213,00	1.743,41	144%
-	Dự án chuyển tiếp năm 2021	10 ⁹ đ	772,42	1.451,26	188%
-	Dự án ký HĐ năm 2022	10 ⁹ đ	440,58	292,15	66%
2	Kinh doanh vật tư, CCDV và hoạt động khác	10⁹đ	52,00	260,88	502%
B	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
I	Doanh số bán hàng (1+2)	10⁹đ	1.087,62	1.935,98	178%
1	Doanh thu	10 ⁹ đ	1.033,00	1.848,72	179%
2	Thuế GTGT đầu ra	10 ⁹ đ	54,62	87,25	160%
II	Lợi nhuận				
1	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	37,00	26,00	70%
2	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	29,60	17,44	59%
3	Tỷ suất lợi nhuận				
-	Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	3,58%	1,41%	39%
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	11,39%	6,71%	59%
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	6,09%	3,68%	60%
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng TS bình quân	%	2,59%	1,50%	58%
4	Tỷ lệ lãi cố tức dự kiến	%	10%	6,0%	60%
III	Các khoản nộp Nhà nước				
1	Các khoản phải nộp Nhà nước (a+b)	10⁹đ	37,02	35,54	96%
a	Các khoản phải nộp Ngân sách	10 ⁹ đ	21,42	21,03	98%
-	Thuế GTGT phải nộp	10 ⁹ đ	10,92	9,82	90%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10 ⁹ đ	7,00	8,56	122%
-	Thuế xuất, nhập khẩu	10 ⁹ đ		1,09	
-	Thuế thu nhập cá nhân	10 ⁹ đ	3,50	1,56	44%
-	Thuế khác	10 ⁹ đ		0,003	



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
b	Các khoản phải nộp khác	10 ⁹ đ	15,60	14,50	93%
-	Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	10 ⁹ đ	15,60	14,50	93%
2	Các khoản đã nộp Nhà nước	10⁹đ	37,02	40,11	108%
a	Các khoản nộp Ngân sách	10 ⁹ đ	21,42	25,61	120%
-	Thuế GTGT	10 ⁹ đ	10,92	6,00	55%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10 ⁹ đ	7,00	16,96	242%
-	Thuế xuất, nhập khẩu	10 ⁹ đ		1,09	
-	Thuế thu nhập cá nhân	10 ⁹ đ	3,50	1,56	44%
-	Thuế khác	10 ⁹ đ	0,003	0,003	
b	Các khoản phải nộp khác	10 ⁹ đ	15,60	14,50	93%
-	Bảo hiểm xã hội, BHYT	10 ⁹ đ	15,60	14,50	93%
IV	Tiền lương và thu nhập				
1	CBCNV bình quân	người	968	919	95%
2	Tổng quỹ lương phải trả	10 ⁹ đ	153,39	160,01	104%
3	Các khoản thu nhập khác	10 ⁹ đ	2,50		
4	Tiền lương b/q CBCNV/tháng/người	10 ⁶ đ	13,21	13,40	101%
5	Thu nhập b/q CBCNV/tháng/người	10 ⁶ đ	13,43	13,40	100%
V	Tài sản cố định và khấu hao TSCĐ				
1	Nguyên giá TSCĐ bq cần trích KH	10 ⁹ đ	170,23	182,11	107%
2	Số tiền khấu hao TSCĐ	10 ⁹ đ	34,02	29,63	87%
3	Tỷ lệ khấu hao TSCĐ	%	19,99%	16,27%	81%
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	10 ⁹ đ	1.153,92	1.153,92	100%
5	Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ	10 ⁹ đ	1.134,38	1.172,55	103%
6	Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ	10 ⁹ đ	65,02	98,28	151%
VI	Nguồn vốn vay tại thời điểm cuối kỳ	10⁹đ	480,79	340,26	71%
1	Vay ngắn hạn	10 ⁹ đ	450,00	294,34	65%
2	Vay trung và dài hạn	10 ⁹ đ	30,79	45,93	149%
VII	Nguồn vốn chủ sở hữu cuối kỳ	10⁹đ	486,38	474,23	98%
1	Vốn điều lệ	10 ⁹ đ	259,99	259,99	100%
-	Trong đó: Vốn nhà nước	10 ⁹ đ	166,80	166,82	100%
2	Quỹ đầu tư phát triển	10 ⁹ đ	143,06	143,06	100%
3	Thặng dư vốn cổ phần	10 ⁹ đ	43,13	43,13	100%
4	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	10 ⁹ đ			
5	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	10 ⁹ đ	10,60	10,60	100%
6	Lợi nhuận chưa phân phối	10 ⁹ đ	29,60	17,44	59%
VIII	Tổng tài sản cuối kỳ	10⁹đ	1.533,74	1.762,54	115%

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
IX	Nợ phải trả cuối kỳ	10⁹đ	1.144,07	1.288,31	113%
1	Hệ số nợ phải trả/ Vốn điều lệ	Lần	4,40	4,96	113%
2	Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	Lần	2,36	2,72	115%
X	Mua sắm và thuê mua tài chính xe máy, thiết bị phục vụ thi công	10⁹đ	25,00	47,62	149%
C	KHỐI LƯỢNG CÁC CÔNG TÁC CHÍNH				
1	Phần đào đắp				
-	Tổng khối lượng đào đất	m3	411.393	728.158	177%
-	Tổng khối lượng đào đá	m3	1.926.260	4.107.998	213%
2	Phần xây lắp				
-	Tổng khối lượng bê tông CVC	m3	68.050	86.468	127%
-	Tổng khối lượng cốt thép KC	tấn	1.505	1.601	106%

II. Đánh giá chung về thực hiện chỉ tiêu SXKD năm 2022:

1. Chỉ tiêu doanh thu, sản lượng:

Chỉ tiêu doanh thu và sản lượng năm 2022 đều vượt kế hoạch, cụ thể:

- Sản lượng: 2.004,29 tỷ/KH 1.265,00 tỷ đạt tỷ lệ 158% kế hoạch.
- Doanh thu: 1.848,72 tỷ/KH 1.033,00 tỷ đạt 179% kế hoạch.

Nguyên nhân:

(i) Hầu hết các dự án chuyển tiếp từ năm 2021 đều vượt kế hoạch do phát sinh khối lượng theo các hợp đồng đã ký, đặc biệt là Dự án Hòa Phát (đạt 344%) và Dự án Thủy điện NamEmoun (110%). Riêng dự án Sông Chò, khối lượng không đạt kế hoạch (đạt 72%) do địa chất mỏ đá thay đổi và không thi công một số tuyến đường của Chủ đầu tư.

(ii) Ngoài ra, Trong năm 2022 Công ty đã tích cực tìm kiếm các dự án mới và đã trúng thầu Dự án Thủy điện NamPhak tại nước CHDCND Lào với giá trị hợp đồng 178 triệu USD; đồng thời đã tận dụng và phát huy được uy tín của Sông Đà 5 để tiếp tục nhận thêm các gói thầu giai đoạn Dự án thép Hòa Phát.

2. Về chỉ tiêu lợi nhuận:

Mặc dù, các chỉ tiêu doanh thu và sản lượng năm 2022 đều vượt kế hoạch, nhưng chỉ tiêu lợi nhuận năm 2022 không đạt kế hoạch đề ra, cụ thể:

- Lợi nhuận trước thuế: 26,00 tỷ/KH 37,00 tỷ đạt 70% kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế: 17,44 tỷ/KH 29,60 tỷ đạt 59% kế hoạch.

Nguyên nhân:

(i) Một số công trình quyết toán âm: Dự án Lai Châu (-1,26 tỷ đồng), dự án Nậm Chiến (-0,75 tỷ đồng), dự án Bản Lải (-1,71 tỷ đồng).

(ii) Ảnh hưởng của cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine áp lực lạm phát tăng làm giá nguyên vật liệu biến động lớn, đặc biệt thép xây dựng tăng khoảng 10%, xăng dầu tăng khoảng 40%, thuốc nổ tăng khoảng 20% so với cuối năm 2021 đã làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

(iii) Dự án Nam E Moun bước vào giai đoạn thi công hoàn thành dự án do vậy phát sinh nhiều chi phí không có đầu thu.

3. Mục tiêu các mốc tiến độ chính các dự án:

3.1. Dự án Thủy điện Nậm E - Moun:

a. Công tác thiết kế: Hoàn thiện bản vẽ hoàn công tổng thể của dự án, sẵn sàng cho công tác bàn giao một phần dự án trong Quý II/2023 và bàn giao toàn bộ dự án trong quý III/2023

b. Công tác thi công: Đến hiện tại công tác thi công các khối lượng chính của dự án đã hoàn thành đến 95%, đảm bảo mục tiêu các mốc tiến độ giao diện theo hợp đồng với Chủ đầu tư. Sông Đà 5 đang nỗ lực đẩy nhanh hoàn thiện thi công cảnh quan kiến trúc, hoàn trả mặt bằng, nghiệm thu một phần công trình trong Quý II/2023, hoàn thành nghiệm thu toàn bộ, nghiệm thu vận hành chạy thử trong Quý III/2023.

3.2. Dự án Nhà Máy thép Hòa Phát - Dung Quất: Các gói thầu thi công đáp ứng tiến độ theo hợp đồng với Chủ đầu tư cụ thể:

- Các gói thầu thi công đào đắp, vận chuyển gồm:

+ Gói thầu hạ đồi cao đồi Đông Lỗ 2 và Gói thầu Khu hành chính: Đang triển khai thi công, dự kiến hoàn thành toàn bộ 2 gói thầu trên trong tháng 9/2023.

+ Gói thầu vận chuyển vật liệu dư thừa; Gói thầu thi công điều chỉnh tuyến ống DN800, DN900 và Gói thầu phá đá xử lý mái taluy đang thực hiện thi công theo tiến độ bàn giao mặt bằng của Chủ đầu tư.

- Các gói thầu xây lắp gồm:

+ Các gói thầu chuyển tiếp từ năm 2021 bao gồm Xây dựng nhà SVG1 và SVG2; Hệ thống Sấy – Đập – Sàng quặng; Xây dựng cải tạo gian ủ xỉ và cắt mê thép; Xây dựng lọc bụi lần 3: đã hoàn thành thi công trong tháng 7/2022 đang thực hiện công tác quyết toán.

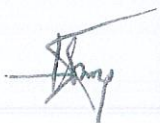
+ Gói thầu Nhà máy nguyên liệu ký hợp đồng năm 2022: Được CĐT bàn giao mặt bằng ngày 29/9/2022, dự án đã thực hiện triển khai thi công một phần khối lượng Zone 1 (kho 2) từ trục 1 đến trục 10 đạt sản lượng 10,47 tỷ.

3.3. Dự án hồ chứa nước Sông chò 1 tỉnh Khánh Hòa:

- Công trình phụ trợ: Tiến hành bóc phủ mỏ đá kết hợp khai thác đá và duy tu bảo dưỡng các tuyến đường đảm bảo tiến độ thi công.

- Công tác thi công các hạng mục chính cơ bản đáp ứng tiến độ cụ thể:

+ Đập dâng vai phải: Đổ bê tông phân đoạn 6 đến CĐ 133.60; phân đoạn 7 đến CĐ 138.10; phân đoạn 8 đến CĐ 157.60; phân đoạn 9 đến CĐ 160.50. Hoàn thành khoan phun chống thấm.



7.C.T.C
5
HP N

+ Đập dâng vai trái: Đồ bê tông phân đoạn 1 đến CĐ 170.40; Phân đoạn 2 đến CĐ 162.50; Phân đoạn 3 đến CĐ 148.00. Hoàn thành khoan phun chống thấm.

+ Đập tràn: Đồ bê tông phân đoạn 4 đến CĐ 132.20; Phân đoạn 5 đến CĐ 132.20. Hoàn thành công tác khoan phun gia cố, chống thấm.

+ Đập phụ: Hoàn thành khoan phun đập phụ.

3.4. Dự án Thủy điện NamPhak:

a. Công tác khảo sát: Hoàn thành công tác khảo sát địa chất công trình.

b. Công tác thiết kế:

- Thiết kế cơ sở: Đồ trình bản vẽ đập NamPha, Phoupong, tính toán thủy lực tuyến năng lượng NamPha, Phoupong, báo cáo thủy lực hạ lưu nhà máy NamPhak.

- Thiết kế chi tiết: Phát hành bản vẽ thông tin đào, gia cố phạm vi (15 m) cửa hầm NamPha, NamPhak.

- Thiết kế shop: Phê duyệt bản vẽ shop thi công theo tiến độ.

c. Công trình phụ trợ:

- Hoàn thành khu nhà ở, xưởng, trạm trộn bê tông CVC và trạm nghiền.

- Triển khai thi công đường tiếp cận theo kế hoạch bàn giao mặt bằng.

- Chuẩn bị mặt bằng lắp đặt trạm Asphalt.

- Triển khai thiết kế các cấp phối bê tông phục vụ thi công đáp ứng yêu cầu.

- Khai thác, bóc phủ mỏ đá theo yêu cầu.

d. Công trình chính:

- Phần hở: Tiến hành công tác đào và gia cố vai đập PhouPong/NamPha.

- Phần hầm:

+ Hầm dẫn dòng PhouPong/ NamPha/ NamPhak: Đang triển khai gia cố mái phạm vi cửa hầm.

+ Hầm dẫn nước cụm phía Bắc/Nam: Chuẩn bị đào và gia cố cửa hầm.

PHẦN II
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

I. Các chỉ tiêu chính:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
A	TỔNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT KINH DOANH	10⁹đ	1.347,77	
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10⁹đ	1.297,77	
-	Có hợp đồng xây lắp	10 ⁹ đ	1.275,67	
-	Dự kiến sẽ ký hợp đồng	10 ⁹ đ	22,10	
2	Kinh doanh vật tư, CCDV và hoạt động khác	10⁹đ	50,00	
B	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH			
I	Doanh số bán hàng (1+2)	10⁹đ	1.537,54	
1	Doanh thu	10 ⁹ đ	1.501,79	
2	Thuế GTGT đầu ra	10 ⁹ đ	35,75	
II	Lợi nhuận			
1	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	25,90	
2	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	20,72	
3	Tỷ suất lợi nhuận			
-	Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	1,72%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	7,97%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,34%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng TS bình quân	%	1,77%	
4	Tỷ lệ lãi cố tức dự kiến	%	7%	
III	Các khoản nộp Nhà nước			
1	Các khoản phải nộp Nhà nước (a+b)	10⁹đ	28,24	
a	Các khoản phải nộp Ngân sách	10 ⁹ đ	12,74	
-	Thuế GTGT phải nộp	10 ⁹ đ	4,06	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10 ⁹ đ	5,18	
-	Thuế xuất, nhập khẩu	10 ⁹ đ	0,50	
-	Thuế thu nhập cá nhân	10 ⁹ đ	3,00	
-	Thuế khác	10 ⁹ đ	0,003	
b	Các khoản phải nộp khác	10 ⁹ đ	15,50	
-	Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	10 ⁹ đ	15,50	
2	Các khoản đã nộp Nhà nước	10⁹đ	28,24	
a	Các khoản nộp Ngân sách	10 ⁹ đ	12,74	
-	Thuế GTGT	10 ⁹ đ	4,06	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10 ⁹ đ	5,18	



Handwritten signature or mark.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
-	Thuế xuất, nhập khẩu	10 ⁹ đ	0,50	
-	Thuế thu nhập cá nhân	10 ⁹ đ	3,00	
-	Thuế khác	10 ⁹ đ	0,003	
b	Các khoản phải nộp khác	10 ⁹ đ	15,50	
-	Bảo hiểm xã hội, BHYT	10 ⁹ đ	15,50	
IV	Tiền lương và thu nhập			
1	CBCNV bình quân	người	927	
2	Tổng quỹ lương phải trả	10 ⁹ đ	162,00	
3	Các khoản thu nhập khác	10 ⁹ đ		
4	Tiền lương b/q CBCNV/tháng/người	10 ⁶ đ	13,44	
5	Thu nhập b/q CBCNV/tháng/người	10 ⁶ đ	13,44	
V	Tài sản cố định và khấu hao TSCĐ			
1	Nguyên giá TSCĐ bq cần trích KH	10 ⁹ đ	191,82	
2	Số tiền khấu hao TSCĐ	10 ⁹ đ	33,21	
3	Tỷ lệ khấu hao TSCĐ	%	17,31%	
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	10 ⁹ đ	1.172,55	
5	Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ	10 ⁹ đ	1.168,23	
6	Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ	10 ⁹ đ	91,01	
VI	Nguồn vốn vay tại thời điểm cuối kỳ	10⁹đ	493,50	
1	Vay ngắn hạn	10 ⁹ đ	450,00	
2	Vay trung và dài hạn	10 ⁹ đ	43,50	
VII	Nguồn vốn chủ sở hữu cuối kỳ	10⁹đ	477,50	
1	Vốn điều lệ	10 ⁹ đ	259,99	
-	Trong đó: Vốn nhà nước	10 ⁹ đ	166,82	
2	Quỹ đầu tư phát triển	10 ⁹ đ	143,06	
3	Thặng dư vốn cổ phần	10 ⁹ đ	43,13	
4	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	10 ⁹ đ		
5	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	10 ⁹ đ	10,60	
6	Lợi nhuận chưa phân phối	10 ⁹ đ	20,72	
VIII	Tổng tài sản cuối kỳ	10⁹đ	1.700,66	
IX	Nợ phải trả cuối kỳ	10⁹đ	1.223,16	
1	Hệ số nợ phải trả/ Vốn điều lệ	Lần	4,70	
2	Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	Lần	2,56	
X	Mua sắm và thuê mua tài chính xe máy, thiết bị phục vụ thi công	10⁹đ	25,00	

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
C	KHỐI LƯỢNG CÁC CÔNG TÁC CHÍNH			
1	Phần đào đắp			
-	Tổng khối lượng đào đất	m3	1.634.250	
-	Tổng khối lượng đào đá	m3	1.405.412	
2	Phần xây lắp			
-	Tổng khối lượng bê tông CVC	m3	71.234	
-	Tổng khối lượng cốt thép KC	tấn	1.763	

2. Mục tiêu tiến độ năm 2023:

2.1. Dự án Thủy điện Nậm E - Moun:

a. Công tác thiết kế: Hoàn thành toàn bộ hoàn công tổng thể dự án.

b. Thi công công trình chính: Hoàn trả mặt bằng, nghiệm thu toàn bộ công trình để bàn giao cho CĐT, quyết toán trong quý III/2023.

2.2. Dự án Nhà máy thép Hòa Phát:

- Đối với các gói thầu hoàn thành thi công trong năm 2022 mục tiêu hoàn thành công tác quyết toán trước 30/6/2023.

- Đối với các dự án đang thi công đảm bảo thi công theo tiến độ đã cam kết với CĐT:

+ Gói hạ đồi cao đồi Đông Lỗ 2, gói hạ đồi cao Khu hành chính và gói thầu phá đá mái Taluy hoàn thành trong tháng 9/2023.

+ Gói vận chuyển vật liệu dư thừa hoàn thành trong tháng 12/2023.

+ Gói xây dựng kho 2#, 3# nhà máy nguyên liệu triển khai thi công lại từ tháng 7/2023.

+ Gói thầu Đông Lỗ 3 và gói Khoan phá đá dưới nước ký hợp đồng năm 2023, tiếp tục thi công theo mặt bằng được bàn giao.

2.3. Dự án Hồ chứa nước Sông Chò 1 - Khánh Hòa:

a. Công trình phụ trợ: Tiến hành khai thác đá kết hợp với bóc phủ; duy tu bảo dưỡng các tuyến đường đảm bảo tiến độ thi công.

b. Hạng mục thi công chính: Tập trung nhân lực và thiết bị để hoàn thành toàn bộ công trình trong năm 2023.

2.4. Dự án Thủy điện NamPhak:

a. Công tác thiết kế:

- Thiết kế chi tiết: Phê duyệt bản vẽ thiết kế các hạng mục đáp ứng tiến độ thi công.

- Thiết kế shop: Phê duyệt bản vẽ shop thi công theo tiến độ.

b. Công trình phụ trợ: Hoàn thành các hạng mục còn lại theo yêu cầu của dự án và nhu cầu sử dụng.

c. Công trình chính:

- Phần hầm

+ Hàm dẫn dòng Phoupong/ NamPha/ NamPhak: Hoàn thành công tác đào và gia cố hàm NamPha, Phoupong, giếng NamPha; Tiếp tục triển khai công tác đào và gia cố hàm NamPhak theo tiến độ.

+ Hàm dẫn nước cụm phía Bắc/Nam: triển khai công tác đào và gia cố hàm theo tiến độ.

- Phần hồ:

+ Đập Phoupong: Hoàn thành công tác đào và gia cố vai đập (phần trên cạn).

+ Đập NamPha: Hoàn thành công tác đào và gia cố vai đập zone 1+2 (phần trên cạn), và thi công zone 3. Triển khai thi công tường D-wall, khoan phun chống thấm nền đập.

+ Đập NamPhak, Nhà máy NamPhak, Đường ống hồ: Triển khai công tác đào và gia cố.

+ Cụm Bắc/Nam: Hoàn thành công tác đào và gia cố cửa hầm.

- Phần CKTC: Triển khai gia công cửa van đáp ứng tiến độ. Triển khai lắp đặt chi tiết đặt sẵn cửa van cửa nhận nước của hầm, mố đỡ, mố neo của tuyến áp lực hồ.

3. Các giải pháp để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

3.1. Kế hoạch tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm năm 2023: Tăng cường công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm với mục tiêu kế hoạch sản lượng cho các năm tiếp. Cụ thể giải pháp:

* *Đối với thị trường trong nước:* Thường xuyên cập nhật thông tin các dự án đang theo đuổi, Thực hiện các giải pháp để thắng thầu tìm kiếm việc làm cho năm 2023 và các năm tiếp theo (Trong đó tập trung nhóm các Dự án: Dự án thủy lợi, Dự án công nghiệp, Dự án năng lượng tái tạo).

* *Đối với thị trường Quốc tế:*

- *Thị Trường Lào:* Thực hiện thu thập, nghiên cứu, thông tin thị trường xây dựng thủy điện tại Lào; Tiếp cận các CĐT truyền thống và tiềm năng để tìm kiếm dự án mới.

- *Thị trường các quốc gia khu vực Đông Nam á (Thái Lan, Malaysia...)* Tiếp tục cập nhật thông tin dự án, liên danh liên kết với các nhà thầu quốc tế (Obayashi, Sam Sung, Hyundai...) để đấu thầu tìm kiếm việc làm các dự án phù hợp với năng lực của đơn vị.

3.2. Công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp:

- Đánh giá những tồn tại của mô hình quản lý dự án đơn vị đang áp dụng để có những giải pháp điều chỉnh kịp thời phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.

- Ban hành kịp thời, đầy đủ các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với mô hình quản lý thực tế và thay đổi của Pháp luật.

- Thực hiện tiếp chương trình đào tạo, quy hoạch đội ngũ Giám đốc dự án để nâng cao năng lực quản lý và điều hành các dự án mới khi được triển khai.

3.3. Công tác thu hồi giá trị dở dang và công nợ: Thực hiện các giải pháp đẩy nhanh công tác nghiệm thu, thanh toán để thu hồi vốn, giảm thiểu giá trị dở dang. Cụ thể:

- *Đối với các dự án chỉ định thầu đã kết thúc thi công:* Tập trung nguồn lực làm việc với Ban điều hành, Chủ đầu tư để quyết toán các hạng mục đã đủ điều kiện (Thủy điện Xekaman3, Dự án điện gió Hoàng Hải, công trình Nhà máy bột giấy VNT 19).

- *Đối với các dự án đang thi công:* Tập trung nhân lực rút ngắn thời gian hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, thanh toán thu hồi vốn dứt điểm đối với phần khối lượng dở dang.

- Kế hoạch thu vốn năm 2023 là **1.501 tỷ đồng**, Trong đó:

- + Công trình đang thi công : 1.476 tỷ đồng.
- + Công trình đã kết thúc thi công : 25 tỷ đồng.

- Kế hoạch thu hồi công nợ năm 2023 là **1.245 tỷ đồng**. Trong đó

- + Công trình đang thi công : 1.189 tỷ đồng.
- + Công trình đã kết thúc thi công : 56 tỷ đồng.

3.4. Công tác quản lý chi phí:

- Xây dựng, hoàn thiện các quy định trong công tác giao khoán, quản lý chi phí phù hợp với mô hình quản lý dự án và yêu cầu thực tế tại đơn vị; Ban hành bổ sung kịp thời các bộ định mức, đơn giá giao khoán đối với các công việc phát sinh.

- Phối hợp với công tác quản lý vật tư, thiết bị tìm kiếm cập nhật các nhà cung cấp để được giá cạnh tranh nhất, mở rộng thị trường mua sắm vật tư thiết bị thi công sang thị trường Thái Lan, Lào để giảm thiểu chi phí vận chuyển

- Thực hiện kịp thời công tác quyết toán nhân công, vật tư, nhiên liệu.

- Tìm kiếm các đối tác cho thuê các thiết bị máy móc chưa có nhu cầu sử dụng để bù đắp lại chi phí khấu hao.

- Thành lập các tổ công tác kiểm tra, hướng dẫn các công trường dự án trong công tác quản lý vật tư xe máy thiết bị, hạch toán chi phí và thực hiện quy chế quản nội bộ.

- Tiếp tục công tác phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh theo định kỳ (quý, năm) và khi kết thúc dự án; công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định giao khoán, quyết toán giao khoán nhằm khắc phục những tồn tại trong quản lý.

3.5. Công tác tài chính kế toán:

- Tiếp tục thực hiện cân đối, thu xếp vốn kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023. Mở rộng và xây dựng mối quan hệ với các Tổ chức tín dụng mới để đảm bảo đa dạng về nguồn vốn với chi phí vay thấp.

- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho từng dự án, công trường để đảm bảo hiệu quả kinh tế.

- Tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác.

- Tham gia vào công tác thẩm định năng lực tài chính của Chủ đầu tư các dự án Công ty tham gia đấu thầu để đảm bảo nguồn vốn thanh toán của Dự án khi thi công.

- Tập trung thu hồi vốn và công nợ các công trình đồng thời đôn đốc thu hồi công nợ tạm ứng cá nhân đã đến hạn. Xây dựng kế hoạch và biện pháp để thu hồi công nợ khó đòi, kéo dài đã nhiều năm.

- Phối hợp chặt chẽ với Tổng công ty để thu hồi công nợ các dự án do TCT làm tổng thầu.

- Công tác kiểm toán, minh bạch tài chính: Thực hiện đầy đủ chế độ kiểm toán, công bố thông tin đại chúng.

- Tăng cường việc hỗ trợ công tác hạch toán kế toán tại các công trình dự án.

3.6. Công tác quản lý khối lượng, tiến độ, an toàn:

- Tăng cường công tác quản lý khối lượng, tiến độ, đặc biệt công tác nghiệm thu, thu vốn tại các dự án.

- Phê duyệt kịp thời yêu cầu vật tư chính cho các dự án đảm bảo tiến độ thi công.

- Thiết kế và phê duyệt kịp thời biện pháp thi công chủ đạo làm cơ sở cho các công trường dự án triển khai thi công.
- Triển khai tổ chức thi công đảm bảo mục tiêu khối lượng, tiến độ của hợp đồng.
- Tăng cường công tác giám sát an toàn, tổ chức huấn luyện an toàn thường xuyên cho người lao động nhằm giảm thiểu tối đa mất an toàn có thể xảy ra.
- Quản lý công tác thiết kế đáp ứng tiến độ, chất lượng và hiệu quả tại các dự án Sông Đà 5 làm tổng thầu thiết kế, thi công.
- Xây dựng củng cố đội ngũ quản lý an toàn đủ khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3.7. Công tác quản lý sử dụng vật tư, thiết bị:

- Xây dựng kế hoạch mua sắm và sử dụng vật tư đảm bảo cung cấp kịp thời, sử dụng tiết kiệm hiệu quả các loại vật tư.
- Cân đối đảm bảo xe máy thiết bị đáp ứng yêu cầu cho các dự án; thực hiện đấu thầu chào giá cạnh tranh lựa chọn nhà cung cấp cho thuê thiết bị.
- Thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhằm đảm bảo công suất làm việc và nâng cao hiệu quả sử dụng máy.
- Xây dựng phương án thực hiện giải thể, thanh lý thiết bị tại Nam Emoun sau khi dự án kết thúc.

3.8. Công tác quản lý nhân lực:

- Cân đối nhu cầu nhân lực hiện có các công trường để thực hiện các giải pháp nhằm đáp ứng nhu cầu lao động đối với từng công trình, dự án.
- Liên hệ làm việc với các trường dạy nghề, các Trung tâm giới thiệu việc làm để ký kết các hợp đồng đào tạo, tuyển dụng đảm bảo cung cấp lao động trực tiếp cho các dự án.
- Tiếp tục thực hiện tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch đội ngũ Giám đốc dự án, kỹ sư trực tiếp theo mô hình quản lý dự án của công ty cũng như yêu cầu thực tế của công việc (Đặc biệt đối với lĩnh vực xây dựng công trình hầm; dân dụng và xây dựng giao thông).

3.9. Công tác quản trị rủi ro:

- Ban hành các quy trình kiểm soát rủi ro cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Định kỳ hàng quý thành lập đoàn kiểm tra nội bộ làm việc tại các dự án để phân tích đánh giá, đưa ra những cảnh báo về những nguy cơ, rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các giải pháp để kiểm soát rủi ro.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Sông Đà 5. Kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Đại hội Đồng cổ đông;
- HĐQT Công ty (Đề b/c);
- Ban kiểm soát Công ty (Đề b/c);
- Tổ NDDPV TCT tại SD5;
- Lưu VP, KHCL.

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trần Anh Đức